



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC
VTC TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

THÁNG 01 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Số 750 (lầu 3), Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp. HCM

Tel: 028. 3833 1106

Fax: 028.3830 0253

MỤC LỤC

	TRANG
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2-3
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	5-6
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	7-33

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		222.871.763.884	218.876.056.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.158.853.154	12.093.971.023
1. Tiền	111		7.158.853.154	11.093.971.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		309.650.000	309.650.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	309.650.000	309.650.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142.390.219.095	139.211.916.955
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	124.126.029.296	110.558.181.136
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.344.525.524	5.263.796.126
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.919.664.275	23.389.939.693
IV. Hàng tồn kho	140		71.292.667.093	65.888.551.728
1. Hàng tồn kho	141	V.6	71.292.667.093	65.888.551.728
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.720.374.542	1.371.966.294
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.332.322.995	257.821.033
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		99.208.834	1.114.145.261
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		288.842.713	-

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.913.930.674	30.399.610.851
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		499.528.192	23.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	499.528.192	23.000.000
II. Tài sản cố định	220		6.595.358.713	8.837.912.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.059.800.430	8.757.101.712
- Nguyên giá	222		14.379.621.927	24.816.553.853
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.319.821.497)	(16.059.452.141)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	2.484.844.604	-
- Nguyên giá	225		4.332.074.473	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.847.229.869)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50.713.679	80.810.335
- Nguyên giá	228		243.530.497	243.530.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(192.816.818)	(162.720.162)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.375.015.079	19.200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	19.200.000.000	19.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(824.984.921)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.444.028.690	2.338.698.804
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.367.408.690	2.338.698.804
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	76.620.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		250.785.694.558	249.275.666.851

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		181.715.534.857	178.166.545.701
I. Nợ ngắn hạn	310		178.459.258.876	178.166.545.701
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	54.046.568.384	60.701.970.798
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	781.394.360	1.029.438.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.659.076.058	2.579.348.127
4. Phải trả người lao động	314	V.15	348.369.436	779.732.660
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.200.397.139	3.678.633.021
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	436.308.947	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	8.603.753.278	7.682.272.167
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	104.009.601.483	99.703.083.026
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	383.100.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.990.689.791	2.012.067.502
II. Nợ dài hạn	330		3.256.275.981	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	3.256.275.981	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.070.159.701	71.109.121.150
I. Vốn chủ sở hữu	410		69.070.159.701	71.109.121.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	45.346.960.000	45.346.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.346.960.000	45.346.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	200.264.000	200.264.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(55.530.000)	(55.530.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	11.226.292.206	11.226.292.206
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	12.352.173.495	14.391.134.944
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.220.734.844	11.181.933.064
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.131.438.651	3.209.201.880
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		250.785.694.558	249.275.666.851

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Đại diện pháp luật

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Võ Anh Thịnh

Võ Anh Thịnh



Lê Xuân Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
1. dịch vụ	01	VI.1	109.367.471.834	101.408.894.695	151.311.712.793	223.046.151.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		50.000	-	50.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ						
3.	10		109.367.421.834	101.408.894.695	151.311.662.793	223.046.151.046
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	87.550.911.205	91.054.475.342	115.994.211.926	191.952.911.951
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ						
5.	20		21.816.510.629	10.354.419.353	35.317.450.867	31.093.239.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	224.199.737	3.873.737.226	448.010.370	4.032.629.231
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.728.250.327	3.649.244.405	11.725.405.354	9.990.641.809
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.312.217.488	2.896.153.273	9.990.653.344	8.438.494.533
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.364.081.082	2.443.901.239	7.913.866.568	8.848.643.983
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.259.618.841	5.110.703.033	14.432.598.982	12.395.379.133
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh						
10.	30		14.688.760.116	3.024.307.902	1.693.590.333	3.891.203.401
11. Thu nhập khác	31		8.127.557.270	538.717.400	8.132.357.314	550.548.491
12. Chi phí khác	32	VI.7	6.689.421.628	347.653.393	7.303.805.460	425.035.485
13. Lợi nhuận khác	40		1.438.135.642	191.064.007	828.551.854	125.513.006
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.126.895.758	3.215.371.909	2.522.142.187	4.016.716.407
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						
15.	51	V.14	1.068.433.375	30.517.141	1.467.323.536	807.514.527
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
16.	52	V.11	-	-	(76.620.000)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						
17.	60		15.058.462.383	3.184.854.768	1.131.438.651	3.209.201.880
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a,c	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b,c	-	-	-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Đại diện pháp luật

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Anh Thịnh

Võ Anh Thịnh

Lê Xuân Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.522.142.187	4.016.716.407
2. Điều chỉnh cho các khoản:				9.264.617.681
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9,10,17	3.369.736.299	4.284.990.055
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, V.20	1.208.084.921	(89.905.200)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	496.075.632
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(46.008.800)	(3.865.037.339)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.990.653.344	8.438.494.533
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.044.607.951	13.281.334.088
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.340.529.185)	(27.257.516.743)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.404.115.365)	(7.307.714.236)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.880.679.192)	(7.064.411.222)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.103.211.848)	(534.374.764)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, V.18, VI.4	(9.358.360.604)	(8.049.911.088)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(489.595.502)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(21.377.711)	(779.640.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.553.261.456)	(37.712.234.365)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(690.874.018)	(398.949.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.332.074.473	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(309.650.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	3.891.008.814	25.037.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.532.209.269	(683.562.660)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a	128.938.594.889	170.287.892.346
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(124.632.076.432)	(145.222.645.858)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.19b	(1.509.005.939)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18,V.22	(2.711.578.200)	(5.423.156.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>85.934.318</i>	<i>19.642.090.088</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.935.117.869)	(18.753.706.937)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.093.971.023	30.847.677.960
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>7.158.853.154</u>	<u>12.093.971.023</u>

Người lập biểu

Võ Anh Thịnh

Kế toán trưởng

Võ Anh Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Đại diện pháp luật



Lê Xuân Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Sản xuất công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động viễn thông khác, chi tiết: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet. Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); Hoạt động của các điểm truy cập internet; Cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Cung cấp các dịch vụ viễn thông cơ bản và giá trị gia tăng; Khai thác và cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; Kinh doanh nội dung số; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng
- Sửa chữa thiết bị liên lạc: Sửa chữa và bảo dưỡng, nâng cấp, hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, điện thoại di động;
- Xuất bản phần mềm, chi tiết: - Viết phần mềm, sản xuất phần mềm điện thoại di động, sản xuất phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ - sản xuất các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như hệ thống điều hành kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính
- In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện – điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện lạnh, các loại thẻ dùng trong viễn thông, camera quan sát, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ, cửa sử dụng khóa điện tử, khóa điện từ. Bán buôn vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện. Bán buôn máy móc, máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.- Bán buôn thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác - Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp thương mại, hàng hải và dịch vụ khác - Bán buôn máy móc thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Công thông tin, chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, chi tiết: - Nghiên cứu các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh	Lô I-3b-4-a, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM.	In ấn, sản xuất các loại thẻ dùng trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, sản xuất phần mềm, mua bán máy móc, nguyên vật liệu sản xuất thẻ...	60%	60%	60%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công và chi phí khác

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo lãnh và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo lãnh

Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được quy định trên hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 50 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
Máy móc và thiết bị	03-05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05-08 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	01 – 04 năm

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

việc dựa trên mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Báo cáo tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành

13. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, chủ yếu là các thiết bị vệ tinh

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt các thiết bị viễn thông

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Doanh thu chưa thực hiện

Chênh lệch giá bán lớn hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính.

Khoản chênh lệch giá bán lớn hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ giảm chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sở Giao dịch 2.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sở Giao dịch 2.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.000.348.000	7.970.000.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.158.505.154	3.123.971.023
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	-	1.000.000.000
Cộng	<u>7.158.853.154</u>	<u>12.093.971.023</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – CN Quang Trung (xem thuyết minh số V.19)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh ⁽ⁱ⁾	19.200.000.000	(824.984.921)	19.200.000.000	-
Cộng	<u>19.200.000.000</u>	<u>(824.984.921)</u>	<u>19.200.000.000</u>	<u>-</u>

- ⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh với số tiền là 19.200.000.000 đồng, tương đương 60,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 19.200.000.000 đồng, tương đương 60,00% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư vào công ty con như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(824.984.921)	-
Số cuối kỳ	<u>(824.984.921)</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh		
Vay	-	8.000.000.000
Lãi vay	840.372.604	330.863.014
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.610.450	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	70.132.002.480	66.445.044.594
Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	22.408.106.003	48.344.716.617
Công ty Công nghệ Thông tin VNPT - CN Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	685.088.400	-
Viễn Thông Bình Dương	15.001.303.617	-
Tổng Công ty Truyền Thông	13.020.823.840	-
TTKD VNPT - Thành Phố Hồ Chí Minh- CN TCT Dịch Vụ Viễn Thông	3.254.219.410	-
Các bên liên quan khác	15.762.461.210	18.100.327.977
Phải thu các khách hàng khác	53.994.026.816	44.113.136.542
Trung tâm Tin học và Công nghệ Truyền hình	3.692.224.080	26.199.353.000
Công ty TNHH Cường Tiến Thịnh	-	11.221.922.000
Công ty TNHH Hiệp Lực Phát Triển Việt	37.861.042.780	-
Sở Thông Tin Và Truyền Thông Tỉnh Cà Mau	3.918.459.550	-
Các khách hàng khác	8.522.300.406	6.691.861.542
Cộng	124.126.029.269	110.558.181.136

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	27.563.000	190.000
Trung tâm Kinh doanh VNPT - TP.HCM	-	190.000
TTKD VNPT- Thành Phố Hồ Chí Minh - CN TCT Dịch Vụ Viễn Thông	27.563.000	-
Trả trước cho các người bán khác	8.316.962.524	5.263.606.126
Công ty Cổ phần Kim Ô	-	3.834.710.000
Công ty CP SXTM VT Hưng Phát	-	737.846.000
Cygnus Telecom	387.514.724	411.897.800
Công ty TNHH Phát Triển Hệ Thống Nichietsu	240.240.000	-
Zhongyou Century (Beijing) Communications Technology Co., LTD	7.221.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	708.447.800	279.152.326
Cộng	8.344.525.524	5.263.796.126

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	3.856.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh - Cổ tức phải thu	-	-	3.840.000.000	-
Bà Lê Thị Thanh - Phải thu khác	-	-	16.500.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.919.664.275	-	19.533.439.693	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.014	-
Tạm ứng	7.864.440.203	-	18.435.108.537	-
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	844.571.596	-	491.957.609	-
Thuế GTGT đầu vào TSCĐ thuê tài chính	99.208.834	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.111.443.642	-	601.373.533	-
Cộng	9.919.664.275	-	23.389.939.693	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản đặt cọc ký quỹ dài hạn	499.528.192	-	23.000.000	-
Cộng	499.528.192	-	23.000.000	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.044.638.992	-	928.387.381	-
Công cụ dụng cụ	3.222.085	-	1.360.480	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	61.033.396.686	-	38.200.172.881	-
Thành phẩm	196.982.220	-	196.982.220	-
Hàng hóa	8.771.281.734	-	26.318.503.390	-
Hàng gửi đi bán	243.145.376	-	243.145.376	-
Cộng	71.292.667.093	-	65.888.551.728	-

(*) Chi phí SXKD dở dang chủ yếu là của hoạt động lắp đặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.186.373	66.073.774
Chi phí bảo lãnh chờ phân bổ	105.248.236	79.706.427
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.225.888.386	112.040.832
Cộng	<u>1.332.322.995</u>	<u>257.821.033</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.184.737.859	1.114.864.084
Chi phí bảo lãnh chờ phân bổ	10.007.436	6.456.114
Tiền thuê đất (*)	1.122.555.636	1.172.891.500
Các chi phí trả trước dài hạn khác	50.107.759	44.487.106
Cộng	<u>2.367.408.690</u>	<u>2.338.698.804</u>

(*) Đất thuê tại Lô I-3b-4-b, đường N6, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTD/KCNC-2004 ngày 24 tháng 11 năm 2004 và phụ lục Hợp đồng thuê đất PL 04/KCNC-2009 ngày 26 tháng 10 năm 2009. Thời hạn thuê là 50 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	700.000.000	16.452.138.409	7.517.629.999	146.785.445	24.816.553.853
Mua trong kỳ	-	690.874.018	-	-	690.874.018
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.127.805.944)	-	-	(11.127.805.944)
Số cuối kỳ	<u>700.000.000</u>	<u>6.015.206.483</u>	<u>7.517.629.999</u>	<u>146.785.445</u>	<u>14.379.621.927</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	700.000.000	4.380.282.962	-	146.785.445	5.227.068.407
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	700.000.000	11.745.175.253	3.467.491.443	146.785.445	16.059.452.141
Khấu hao trong kỳ	-	1.130.821.964	828.055.080	-	1.958.877.044
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.698.507.688)	-	-	(7.698.507.688)
Số cuối kỳ	<u>700.000.000</u>	<u>5.177.489.529</u>	<u>4.295.546.523</u>	<u>146.785.445</u>	<u>10.319.821.497</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	4.706.963.156	4.050.138.556	-	8.757.101.712
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>837.716.954</u>	<u>3.222.083.476</u>	<u>-</u>	<u>4.059.800.430</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
-----------------------	---	---	---	---	---

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.523.367.633 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.19).

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty chỉ có máy móc thiết bị

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong kỳ	4.332.074.473	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	1.847.229.869	-
Số cuối kỳ	<u>4.332.074.473</u>	<u>1.847.229.869</u>	<u>2.484.844.604</u>

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C230407602 ngày 23 tháng 5 năm 2023, thời gian thuê 48 tháng và Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	243.530.497	162.720.162	80.810.335
Khấu hao trong kỳ	-	30.096.656	-
Số cuối kỳ	<u>243.530.497</u>	<u>192.816.818</u>	<u>50.713.679</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	116.502.864	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc), chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	76.620.000	-
Số cuối kỳ	<u>76.620.000</u>	<u>-</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>438.178.468</u>	<u>3.197.590.704</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh (STID)	-	2.665.965.368
Ban Khách hàng Tổ Chức Doanh Nghiệp- CN TCT Dịch Vụ Viễn Thông	436.580.572	-
Các bên liên quan khác	1.597.896	531.625.336
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>53.608.389.916</u>	<u>57.504.380.094</u>
Ciena Communication Inc	27.272.844.250	35.934.269.223
Công ty TNHH Nguyên Xuân An	127.072.000	1.944.652.200
Công ty TNHH Vận tải Công Nghệ TLC	5.611.463.680	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cơ Khí Máy móc - Xây Dựng Thế Ngọc	1.275.400.620	-
Công ty TNHH Bảo Mật Nam Trường Sơn	1.121.538.000	-
Công ty CP Giải Pháp Tin Học Mặt Trời	3.781.886.050	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Viễn Thông Đức Vinh	2.505.899.876	-
Các nhà cung cấp khác	11.912.285.440	19.625.458.671
Cộng	<u>54.046.568.384</u>	<u>60.701.970.798</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	252.758.400
<i>TT Nghiên cứu phát triển - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</i>	-	252.758.400
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	781.394.360	776.680.000
<i>Sở Giao thông Vận tải tỉnh Cà Mau</i>	171.000.000	-
<i>Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	776.680.000
<i>Bệnh viện Đa Khoa Bưu Điện</i>	610.392.360	
<i>Các khách hàng khác</i>	2.000	
Cộng	781.394.360	1.029.438.400

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.182.437.911	(62.863.037)	2.119.574.874
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	638.930.501	(638.930.501)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.346.697	(8.346.697)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.008.737.565	1.467.323.536	(489.595.502)	1.986.465.599
Thuế thu nhập cá nhân	1.356.669.012	1.648.417.149	(3.007.663.300)	(2.577.139)
Thuế nhà thầu	193.457.229	-	-	193.457.229
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.484.321	136.460.027	(83.631.566)	73.312.782
Cộng	2.579.348.127	6.084.915.821	(4.294.030.603)	4.370.233.345

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.522.142.187	4.016.716.407
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	12.935.691.568	3.860.856.227
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.121.216.077)	(3.840.000.000)
Thu nhập tính thuế	7.336.617.678	4.037.572.634
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.467.323.536	807.514.527

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.467.323.536	807.514.527

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	348.369.436	779.732.660
Cộng	348.369.436	779.732.660

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	330.863.014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh (STID) – <i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	-	330.863.014
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.200.397.139	3.347.770.007
Ciena Communication Inc (*)	506.741.648	1.433.590.840
Chi phí lãi vay phải trả	344.055.491	211.272.341
Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TP HCM		1.418.181.818
Công ty CP giải Pháp Công Nghệ Cao BCTECH	2.249.600.000	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	110.000.000	284.725.008
Cộng	3.200.397.139	3.678.633.021

(*) Là khoản trích trước chi phí bảo hành phải trả cho nhà cung cấp Ciena Communication Inc.

17. Doanh thu chưa thực hiện

Phần chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính (Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại TSCĐ), chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống		-
Trên 01 năm đến 05 năm	436.308.947	-
Cộng	436.308.947	-

Chi tiết chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phát sinh chờ phân bổ trong kỳ	902.776.217	-
Đã phân bổ ghi giảm chi phí khấu hao trong kỳ	(466.467.270)	-
Số cuối kỳ	<u>436.308.947</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	868.751.804	25.191.770
<i>Các thành viên HĐQT, BKS - Thù lao phải trả</i>	28.379.200	25.191.770
<i>Công ty CP ĐT&PT Công nghệ thông minh (STID) - Lãi vay phải trả</i>	840.372.604	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.735.001.474	7.657.080.397
<i>KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN</i>	361.004.310	997.082.340
<i>Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	9.305.000	9.305.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	3.304.895.260	2.846.073.360
<i>Phải trả khoản chi phí các dự án</i>	830.535.612	593.117.500
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	3.229.261.292	2.668.394.533
Cộng	8.603.753.278	7.682.272.167

Công ty không có nợ phải trả ngắn hạn khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	-	8.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh ⁽ⁱ⁾	-	8.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	104.009.601.483	91.703.083.026
Vay ngắn hạn ngân hàng	71.621.601.483	56.385.083.026
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 2 ⁽ⁱⁱ⁾</i>	20.240.778.278	16.848.152.313
<i>Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Gia định ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	44.870.807.642	39.536.930.713
<i>Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(iv)</i>	-	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hùng Vương ^(v)</i>	6.510.015.563	-
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(vi)	32.388.000.000	35.318.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	-	-
Cộng	104.009.601.483	99.703.083.026

⁽ⁱ⁾ Khoản vay bổ sung vốn lưu động với lãi suất 11.25%/năm, được tái tục ngày 10/6/2023 với thời hạn vay 06 tháng. Ngày 29/12/2023 đã tắt toán hết gốc và lãi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại, lắp đặt thiết bị viễn thông với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Xe ô tô Toyota, biển kiểm soát 51F-524.47; Xe ô tô Toyota, biển kiểm soát 30F-815.51; Xe tải pickup cabin kép, biển kiểm soát 51D-623.28; Xe tải pickup cabin kép, biển kiểm soát 51D-630.28; Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Sở giao dịch 2; hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc, hợp đồng tiền gửi; sổ tiết kiệm do các Tổ chức tín dụng được Ngân hàng chấp thuận phát hành; Phương tiện vận tải theo quy định; Hàng hóa và Quyền đòi nợ hình thành từ phương án ngân hàng cấp tín dụng.
- (iii) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và phát hành bảo lãnh của khách hàng với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Bất động sản; Phương tiện vận tải; Tài sản nhóm 1 theo quy định của Ngân hàng; Quyền đòi nợ và các tài sản đảm bảo/biện pháp đảm bảo khác (*xem thuyết minh V.2a*)
- (iv) Khoản vay không tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh với lãi suất cố định 13%/năm, thời hạn vay 06 tháng.
- (v) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản nợ phải thu khách hàng luân chuyển.
- (vi) Khoản vay các cá nhân không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10% – 12%/năm, thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	56.385.083.026	106.268.594.889	-	(91.032.076.432)	71.621.601.483
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	8.000.000.000	-	-	(8.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	35.318.000.000	22.670.000.000	-	(25.600.000.000)	32.388.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	-
Cộng	99.703.083.026	128.938.594.889		(124.632.076.432)	104.009.601.483

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. *Nợ thuê tài chính dài hạn*

Khoản Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 48 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	-
Trên 01 năm đến 05 năm	3.256.275.981	-
Cộng	3.256.275.981	-

Chi tiết số phát sinh về khoản nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Số tiền nợ thuê tài chính phát sinh	4.765.281.920	-
Số tiền nợ thuê tài chính đã trả	(1.509.005.939)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	-
Số cuối kỳ	3.256.275.981	-

19c. *Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. *Dự phòng phải trả ngắn hạn*

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập	383.100.000	-
Số cuối kỳ	383.100.000	-

21. *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.747.067.611	-	1.747.067.611
Quỹ phúc lợi	264.999.891	(21.377.711)	243.622.180
Cộng	2.012.067.502	(21.377.711)	1.990.689.791

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	11.226.292.206	13.916.448.724	70.634.434.930
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	3.209.201.880	3.209.201.880
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(2.734.515.660)	(2.734.515.660)
Số dư cuối năm trước	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	11.226.292.206	14.391.134.944	71.109.121.150
Số dư đầu năm nay	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	11.226.292.206	14.391.134.944	71.109.121.150
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	1.131.438.651	1.131.438.651
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(3.170.400.100)	(3.170.400.100)
Số dư cuối kỳ này	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	11.226.292.206	12.352.173.495	69.070.159.701

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	21.163.160.000	21.163.160.000
Các cổ đông khác	24.183.800.000	24.183.800.000
Cộng	<u>45.346.960.000</u>	<u>45.346.960.000</u>

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.534.696	4.534.696
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.534.696	4.534.696
- Cổ phiếu phổ thông	4.534.696	4.534.696
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(5.553)	(5.553)
- Cổ phiếu phổ thông	(5.553)	(5.553)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.529.143	4.529.143
- Cổ phiếu phổ thông	4.529.143	4.529.143
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27 tháng 4 năm 2023, theo đó tỷ lệ cổ tức năm 2022 là 7%, tương đương với 3.170.400.100 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động thương mại	51.151.936.606	37.724.582.003
Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.159.776.187	185.321.569.043
Doanh thu khác	-	-
Cộng	<u>151.311.712.793</u>	<u>223.046.151.046</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động thương mại	43.156.632.686	32.596.662.706
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	72.837.579.240	159.356.249.245
Giá vốn khác	-	-
Cộng	<u>115.994.211.926</u>	<u>191.952.911.951</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	46.008.800	25.037.339
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.840.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	402.001.570	167.591.892
Cộng	448.010.370	4.032.629.231

4. Chi phí tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.990.653.344	8.438.494.533
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	909.767.089	1.552.147.276
Dự phòng tổn thất đầu tư	824.984.921	-
Cộng	11.725.405.354	9.990.641.809

5. Chi phí bán hàng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.154.803.668	2.980.754.508
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	86.283.847	69.511.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.075.060.543	2.613.883.301
Chi phí bảo hành, quảng cáo tiếp thị	378.336.273	438.794.094
Các chi phí bằng tiền khác	1.219.382.237	2.745.700.872
Cộng	7.913.866.568	8.848.643.983

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.081.188.818	7.870.345.280
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	143.885.378	220.113.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	844.714.822	839.873.979
Thuế, phí và lệ phí	11.000.040	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(89.905.200)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.102.084.605	2.299.253.186
Các chi phí bằng tiền khác	1.249.725.319	1.252.698.242
Cộng	14.432.598.982	12.395.379.133

7. Chi phí khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm thanh toán	185.860.170	-
Phạt do vi phạm hợp đồng (*)	6.623.188.264	216.247.250
Thuế bị truy thu và các khoản phạt chậm nộp	430.923.454	92.323.351
Chi phí khác	63.833.572	116.555.884

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	<u>7.303.805.460</u>	<u>425.035.485</u>

(*) Tổng Công ty Hạ Tầng Mạng phạt Công ty CP Viễn Thông VTC do chậm tiến độ nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng (AC) của hợp đồng số 152-2019/VNPT Net-VTC/Backbone II ngày 02/08/2019: 6.623.188.264 đ (theo Biên bản xác nhận tiến độ nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng (AC) ngày 24/10/2023)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.343.808.112	135.831.834.261
Chi phí nhân công	7.039.777.581	27.678.945.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.204.341.480	4.284.990.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.116.911.028	25.815.094.643
Chi phí khác	31.289.373.725	10.303.619.584
Cộng	<u>115.994.211.926</u>	<u>203.914.484.322</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
--------------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Địa chỉ: Số 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh một số giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên thuộc tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	76.086.683.683	53.252.589.887
Mua hàng hóa và nhận cung cấp dịch vụ	819.241.891	848.203.191

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.12, V.13, V.16, V.18 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Đại diện pháp luật

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Võ Anh Thịnh

Võ Anh Thịnh



Lê Xuân Tiên